

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+ TD4	7:25	21+0+0	0+0+0		7+2+0	0+0+0	chuyến 13 pax td2-p11

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/08/2024	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THANH TÙNG	TD1	92	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	RAKHMATULLIN RINAT	TD1	94	1	9		85	KHOAN	Russian
3	PHẠM VĂN CHÂU	TD1	88	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	TD1	81	1	17		135	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TRUNG	TD1	79-80.	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG VŨ	TD1	78	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG QUYẾT THĂNG	TD1	85	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TRỌNG NHIÊN	TD1	87	1	12	31	55	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ MINH TÙNG	TD1	86	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN VĨNH	TD1	93	1	15		92	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUẬT	TD1	89-90	2	18		75	DVL	Vietnamese
12	PHAN VINH TRƯỞNG	TD1	95	1	11		69	DVL	Vietnamese
13	TRƯỜNG MINH KHANH	TD1	83	1	13		73	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD1	91	1	14		92	DVL	Vietnamese
15	NGÔ THANH SƠN	TD1	73-75	3	20		78	DVL	Vietnamese
16	VÔ HỮU TÂN	TD1	76-77	2	18		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM.	TD1	82	1	16		75	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HUNG	TD1	84	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUY HIỆU	TD1	98	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CHI HẠ	TD1	600	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN KHA	TD1	96-97	2	25		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	27	290	1.623	31	7		
2	TD2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	27	290	1.623	31	9		
WEIGHT KG				290	1.623	31			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TD1+P5	7:25	2+20+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	

TTBDSX

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/08/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD2	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
2		BK14+BK10+CNV	7:25	15+0+7	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
3		RP2+BK20+CTK3	9:25	6+0+16	0+0+0		1+3+18	0+0+0	chuyen2 bk20 ctk3
4		AMD+CTK3+P2	9:25	0+10+11	0+0+0		0+8+12	0+0+0	chuyen 1 amd- ctk3
5		P1+BK9+BK14	11:25	8+6+8	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
6		TD1+P4+PPD	11:25	10+11+1	0+0+0		0+13+9	0+0+0	chuyen 1 p4- ppd

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày BK14-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: TD3 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG - THU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN ALEXEY	TD3	30	1	15		100	KHOAN	Russian
2	NOROV DENIS	TD2	06	1	17		85	KHOAN	Russian
3	VU NGOC HOAN	TD2	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN XUAN	TD2	24	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VIET LINH	TD2	28	1	7	13	110	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN TU	TD2	14-15	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
7	BUI THO DUONG	TD2	23	1	4	16	62	KHOAN	Vietnamese
8	LE VINH THUAT	TD2	16	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN NAM	TD2	31	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	DO XUAN VANG	TD2	22	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VAN THOI	TD2	25-26	2	10		72	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN TRUC TAI	TD2	12-13	2	19		70	MERMAID	Vietnamese
13	TRAN QUANG VIET	TD2	19-20	2	15		70	MERMAID	Vietnamese
14	LE TRUONG HAU	TD2	17-18	2	15		80	MERMAID	Vietnamese
15	LE DUY THANG	TD2	10-11	2	20		80	MERMAID	Vietnamese
16	GIANG VAN VUONG	TD2	02-03	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
17	DINH TIEN HUU	TD2	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN THUY	TD2	21	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN GIANG	TD2	27	1	6		72	DVL	Vietnamese
20	TRAN ANH TUAN	TD2	01	1	7		72	DVL	Vietnamese
21	DANG VAN CHUNG	TD2	05	1	20		77	DVL	Vietnamese
22	KRATVTSOV ALEXANDR	TD2	07	1	15	25	70	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	1	1	15	100	0	0		
2	TD2	21	28	216	1.563	54	22		
TOTAL		22	29	231	1.663	54	22		
WEIGHT KG				231	1.663	54			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: BK14 - BK10 - CNV	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG VINH	BK14				20	105	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ĐỨC TOÀN	BK14	82	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	MIRSAYAPVO RUSLAN	BK14	66	1	3		103	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN DINH THINH (HLO)	BK14	80-81	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ANH TUAN	BK14	79	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN QUANG TUAN	BK14	78	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HONG MINH	BK14	76	1	14		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET LONG	BK14	72-73	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH LUAN	BK14	71	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN KHAC THANG	BK14	70	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MINH HAI	BK14	69	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH CUONG	BK14	65	1	5		71	PSV	Vietnamese
13	LUONG MINH KIEN	BK14	77	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM NGOC TUAN	BK14	75-76	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
15	QUACH XUAN THUONG	BK14	67-68	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐANG ĐỨC HẠNH (HLO)	CNV	83	1	4	30	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VU HOANG	CNV	81	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	85	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG QUANG HUY	CNV	79	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUNG VAN KHANH	CNV	80	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐAO ĐỨC THANG	CNV	84	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HA	CNV	82	1	12		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	15	18	137	1.147	20	10		
2	BK10	0	0	0	0	0	4		
3	CNV	7	7	63	499	30	8		
TOTAL		22	25	200	1.646	50	22		
WEIGHT KG				200	1.646	50			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: RP2 - BK20 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG - THU	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIET HUAN	RP2	78	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN QUY	RP2	77	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN GIA CUONG	RP2	83	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NHAT KIM LONG	RP2	79	1	15		55	KH-THAC	Vietnamese
5	VU THAI THANH	RP2	81-82	2	16	8	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN AN NINH	RP2	80	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN HAI	BK20	92	1	8	26	80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MANH PHUC	BK20	91	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM THANH TAI	BK20	90	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
10	MAKSIMOV D.	CTK3	55	1	10	18	120	KH-THAC	Russian
11	CAO VAN DAU	CTK3	56	1	5	90	72	KH-THAC	Vietnamese
12	VU XUAN TRUC	CTK3	58	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN BAC	CTK3	64	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN TRI	CTK3	53-54	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CONG AN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TIEN DUNG	CTK3	65	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
17	Dinh Nho Hoang	CTK3	63	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG QUOC BAO	CTK3	60-61	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	62	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	57	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CTK3	59	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN NGOC TRI	CTK3	52	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	6	7	80	416	8	1		CHUYEN 2 PAX BK20-CTK3
2	BK20	3	3	25	211	26	3	2	
3	CTK3	13	14	78	923	108	18		
TOTAL		22	24	183	1.550	142	22		
WEIGHT KG				183	1.550	142			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: AMD - CTK3 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - VU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	84	1	13		85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3				24	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	45	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	CTK3	82-83	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG HOANG ANH	CTK3	86	1	18		86	KH-THAC	Vietnamese
6	VU QUANG HAI	CTK3	03-04	2	23		75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VIET HUNG	CTK3	81	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN HUY	CTK3	05	1	8		66	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG CUONG	CTK3	06	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TOAN	CTK3	02,22,37	3	17	3	81	T-TIN	Vietnamese
11	HONG PHUOC SANG	P2	44	1	7	20	65	T-TIN	Vietnamese
12	ĐINH TUNG LAM	P2	46-47	2	16	8	70	T-TIN	Vietnamese
13	TRAN VIET BINH	P2	55	1	8		61	PSV	Vietnamese
14	LE NGUYEN DUY THONG	P2	43	1	6		53	PSV	Vietnamese
15	PHAM HONG VAN	P2	49	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	BUI THANH TUNG	P2	53	1	12		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LE	P2	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	HOANG VIET ANH	P2	52	1	8		65	PSV	Vietnamese
19	LE VAN TRIEU	P2	54	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
20	PHUNG QUANG DAI	P2	50-51	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
21	VU VAN NAM	P2	48	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	0	0	0	0	90	0		CHUYEN 1 PAX AMD-CTK3
2	CTK3	10	13	110	727	24	8		
3	P2	11	13	89	729	28	12		
TOTAL		21	26	199	1.456	142	20		
WEIGHT KG				199	1.456	142			

GRAND TOAL: 1.797 KGS + 3 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: P1 - BK9 - BK14	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - MQUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	51	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO THAI THANH	P1	55	1	7		65	T-TIN	Vietnamese
3	THAI MINH HAI	P1	52-54	3	20		87	T-TIN	Vietnamese
4	PHẠM THANH NHÀ	P1	57	1	9		80	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P1	59	1	5	35	70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	58	1	8		67	PSV	Vietnamese
7	PHẠM PHU BÌNH	P1	56	1	5		68	PSV	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	P1	60	1	9		87	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ (HLO)	BK9	74	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	BK9	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ THẾ HẬU	BK9					71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	75	1	10	20	79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	77	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THAI LONG	BK9	76	1	5		57	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK14	98	1	7	15	60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK14	86-87	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI NGỌC TUÂN	BK14	90-91	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH TRỌNG KIẾN	BK14	88-89	2	20		90	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK14	96-97	2	14	15	75	XAYLAP	Vietnamese
20	LƯU QUANG NGHỊ	BK14	94-95	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẠO XUÂN VIỆT	BK14	700	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐẶNG TÔ HIỆU	BK14	92	1	12	20	74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	10	70	602	35	6		
2	BK9	6	5	38	408	20	5		
3	BK14	8	13	108	569	50	11		
TOTAL		22	28	216	1.579	105	22		
WEIGHT KG				216	1.579	105			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pilot cabin sg.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/08/2024	TO: TD1 - P4 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - TOAN	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MINH SỸ	TD1	64	1	10	32	75	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN DUNG	TD1	55	1	15		53	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ ANH TUÂN	TD1	57-58	2	13		72	CODIEN	Vietnamese
4	ĐO XUAN THANG	TD1	54	1	13		87	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG LINH	TD1	56	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUY	TD1	60	1	10	20	60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY DƯƠNG	TD1	59	1	19		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	TD1	62-63	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
9	OVCHARENKO A.	P4	99	1	8	80	84	KHI	Russian
10	ĐÀO TUÂN VIỆT	P4	34-35	2	12		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	36	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BAO TOÀN	P4	98	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	500	1	5		76	PSV	Vietnamese
14	BUI VĂN QUÂN (1972)	P4	97	1	4		66	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH LIÊM	P4	32	1	4		64	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN MUỘI	P4	33	1	8		56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUAN ĐÔNG	P4	96	1	5		64	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN (1991)	P4	95	1	4		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	37	1	9		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	48	1	5	15	55	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	109	557	52	0		CHUYEN 1PAX P4-PPD
2	P4	11	12	69	789	80	13	1	
3	PPD	1	1	5	55	15	9		
TOTAL		20	23	183	1.401	147	22		
WEIGHT KG				183	1.401	147			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

pilot cần rời